

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 17 - 01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn và bà Đinh Thu Thanh

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại nhà văn hóa phường B, thành phố T, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Xuân T – Sinh ngày 21 tháng 12 năm 1976 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Số nhà 15xx, tổ 12, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân B (đã chết) và bà Đỗ Thị L; bị cáo có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Bản án số 17/HSST ngày 3/5/2002 Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt Trần Xuân T 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Quyết định số 636 ngày 2/12/2003 của UBND thị xã T (nay là thành phố T) về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

- Quyết định số 17 ngày 20/11/2006 của UBND thị xã T (nay là thành phố T) về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

- Bản án số 22/HSST ngày 30/5/2007 Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt Trần Xuân T 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bản án số 49/HSST ngày 21/9/2009 Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt Trần Xuân T 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39 ngày 22/6/2012 công an thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt 300.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Quyết định số 1231 ngày 26/6/2012 của UBND thị xã T (nay là thành phố T) về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

- Bản án số 40/HSST ngày 5/12/2016 Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt Trần Xuân T 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 19/9/2019 đến ngày 25/9/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam theo Quyết định tạm giam số 01/2020/HSST-QĐTG ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (Có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Xuân T - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 36, tổ 18, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Có mặt.

+ Anh Trần Đình L – Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 59, ngõ 90, đường Tr, phố Ph1, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt

+ Anh Đỗ Văn É – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

- Người làm chứng:

- Anh Điền Văn D - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Xuân T trước đây đã từng sử dụng ma túy, bản thân T không có việc làm ổn định nên đã mua ma túy bán kiếm lời. Khoảng 7 giờ ngày 19/9/2019 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-259.xx đến thị xã B, tỉnh Thanh Hóa gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 2 gói ma túy loại Heroine với giá 400.000 đồng, sau khi mua được ma túy T mang về nhà chia 01 gói thành 6 gói nhỏ, 01 gói còn lại T giữ nguyên. Toàn bộ số ma túy trên T cất giấu trong người với mục đích có người hỏi mua thì bán kiếm lời.

Khoảng 8 giờ 20 phút ngày 19/9/2019 Trần Đình L, sinh năm 1988, trú tại ngõ 90, đường Tr, phố Ph1, phường N, thành phố N gọi điện thoại cho Trần Xuân T hỏi mua 02 gói ma túy heroine với giá 400.000 đồng, T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B2-259.xx từ nhà đến đường Ng, thuộc tổ 3, phường B, thành phố T để gặp L như đã thỏa thuận. Khi đến nơi T xuống xe và lấy toàn bộ số ma túy đang cất giấu trong người ra cầm trên tay đứng đợi L. Ngay lúc này tổ công tác Công an tỉnh Ninh Bình phối hợp với Công an phường B, thành phố T đi đến yêu cầu kiểm tra đối với T. Khi tổ công tác đến gần, T vứt xuống đường ngay tại vị trí T đang đứng hai gói nhỏ, một gói được gói ngoài bằng giấy lịch, một gói được gói ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng. Tổ công tác yêu cầu T nhặt lên, khai báo tên tuổi, địa chỉ đồng thời hỏi T hai gói vừa ném xuống đường là gì. T khai nhận bên trong gói được gói ngoài bằng giấy lịch là 06 gói nhỏ, bên trong gói được gói ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng là 01 gói, tất cả đều là ma túy heroine của T mang theo với mục đích bán kiếm lời. Tại chỗ tổ công tác tiến hành thu giữ, niêm phong 01 gói được gói ngoài bằng mảnh giấy lịch và 01 gói được gói ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng của Trần Xuân T. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động Sam sung có số imei 355039102533139/01 bên trong lắp 02 sim số thuê bao lần lượt là 0357998172, 0582747847; 01 điện thoại di động Nokia có

số seri 357338082877310 bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0945420026; 1.450.000 đồng; một xe mô tô biển kiểm soát 35B2-259.71. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Xuân T. Kết quả: không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Trần Xuân T khai nhận ngày 19/9/2019 Trần Đình L gọi điện thoại cho T hỏi mua 02 gói ma túy heroine với giá 400.000 đồng, khi T đang đợi L để bán ma túy thì bị tổ công tác Công an tỉnh Ninh Bình kiểm tra phát hiện. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Trần Đình L làm việc. Quá trình làm việc L khai nhận ngày 19/9/2019 sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel mượn của Đỗ Văn É bên trong có lắp 01 sim số thuê bao 0367549416 (sim điện thoại của L) gọi cho Trần Xuân T hỏi mua ma túy. Quá trình trao đổi việc mua bán ma túy L sử dụng điện thoại di động Masstel ghi âm lại. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã thu giữ của Trần Đình L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel có số Imei 358246097513110 bên trong lắp 01 sim điện thoại có số thuê bao 0367549416, đồng thời sao trích đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa L và T vào 01 đĩa DVD.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình tiến hành mở niêm phong kiểm tra 02 gói nhỏ thu giữ của Trần Xuân T xác định bên trong 01 gói được gói ngoài bằng giấy lịch là 6 gói nhỏ bọc ngoài bằng giấy bạc màu vàng trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định chất bột dạng cục màu trắng trong 6 gói nhỏ có khối lượng 0,242 gam kí hiệu M1 gửi đi giám định; mở niêm phong 01 gói được quấn ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng bên trong là lớp nilon màu đen, mở lớp nilon màu đen là lớp giấy báo, bên trong giấy báo là chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định chất bột dạng cục màu trắng có khối lượng 0,2212 gam ký hiệu M2 gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 294/KLGD-PC09-MT ngày 23/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận :

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,2420 gam, M2 có khối lượng 0,2212 gam. Tổng khối lượng chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M1, M2 là 0,4632 (không phải bốn nghìn sáu trăm ba mươi hai) gam.

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1, M2 đều là ma túy, loại Heroine.

Heroine là chất ma túy thuộc danh mục I, số thứ tự 9; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Xuân T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT – VKS ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Xuân T ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đề xét xử về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quan điểm truy tố và

đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 36 (Ba mươi sáu) đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 19/9/2019.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, c, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 phong bì niêm phong bên trong là 01 điện thoại di động Samsung số Imei 355039102533139/01.

- Tịch thu tiêu hủy

+ 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài ghi số 294/KLGĐ-PC09-MT, bên trong có 0,1605 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M1; 0,1667 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu kí hiệu M2 đều là ma túy Heroine, được hoàn lại sau khi gửi mẫu đi giám định và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong;

+ 01 phong bì niêm phong ký hiệu V bên trong gồm 06 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy lịch, 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng, 01 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh giấy báo, 01 vỏ phong bì ký hiệu T1;

+ 01 phong bì niêm phong bên trong là 01 que xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy của Trần Xuân T;

+ 01 vỏ phong bì ký hiệu T2, 01 vỏ phong bì kí hiệu Đ;

+ 01 sim điện thoại số thuê bao 0357998172; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0367549416;

Trong quá trình điều tra, anh Điền Văn D trình bày: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 19/9/2019 anh có việc đi qua trục đường Ng thuộc tổ 3, phường B, thành phố T và được chứng kiến lực lượng Công an bắt giữ nam thanh niên khai tên Trần Xuân T, sinh năm 1976 nhà ở phường N, thành phố T. Tại đây lực lượng Công an đã thu giữ của Trần Xuân T hai gói giấy, một gói giấy ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng, một gói giấy ngoài bằng tờ lịch. Anh T khai trong hai gói giấy này có chứa bảy gói Heroine. Sau khi thu giữ lực lượng Công an đã bỏ hai gói giấy này vào trong một phong bì rồi dán kín mép lại yêu cầu anh và anh T ký xác nhận tại mép dán phong bì. Ngoài ra lực lượng Công an còn thu giữ của anh T 02 chiếc điện thoại di động và số tiền 1.450.000 đồng và cũng bỏ vào trong phong bì dán kín mép có chữ ký của anh và anh T. Sau đó lực lượng Công an đã yêu cầu anh T và anh cùng đưa số vật chứng thu giữ trên về Công an phường B để lập biên bản giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Ninh Bình, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng và người chứng kiến; vật chứng đã thu giữ; Kết luận giám định số: 294/KLGD-PC09-MT ngày 23/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 19/9/2019, tại đường Ng, thuộc tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, Trần Xuân T có hành vi tàng trữ trái phép 0,4632 gam ma túy Heroine nhằm mục đích bán kiếm lời đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại Điều 251: *Tội mua bán trái phép chất ma túy*

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố T, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân về tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma túy nói riêng. Mặt khác xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với chất ma túy. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có bố là ông Trần Văn B có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Trần Xuân T là người có nhân thân rất xấu, bị cáo đã nhiều lần bị kết án và bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, khối lượng và loại chất ma túy mà bị cáo mua bán, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với

hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Xuân T.

[7] Trong vụ án này anh Trần Xuân T cho bị cáo mượn 01 chiếc xe mô tô BKS 35B2-259.xx, nhãn hiệu Honda AIRBLADE, khi bị cáo mượn xe mô tô thì anh T không biết việc bị cáo mượn xe để sử dụng đi mua bán ma túy nên anh T không có lỗi. Do vậy không có căn cứ xử lý đối với anh T.

Đối với Đỗ Văn É cho Trần Đình L mượn điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, sau đó L sử dụng để liên lạc mua ma túy của Trần Xuân T, anh É không biết. Do đó anh É không vi phạm pháp luật.

Đối với Trần Đình L, ngày 19/9/2019 L hỏi mua của Trần Xuân T 02 gói ma túy Heroin, tuy nhiên sau đó L đã bỏ ý định mua ma túy của T và không đến gặp T. Do vậy L không có lỗi.

[8] Về nguồn gốc số Heroine, Trần Xuân T khai mua của một người đàn ông không quen biết tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành xác minh tại khu vực chân cầu vượt ở thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, kết quả không có người nào có hình dáng như bị cáo khai. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 đĩa DVD lưu trữ đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa Trần Xuân T và Trần Đình L là tài liệu, chứng cứ được chuyển theo hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu xanh đen số Imei 355039102533139/01 là công cụ bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài ghi số 294/KLGD-PC09-MT, bên trong có 0,1605 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M1; 0,1667 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M2 đều là ma túy Heroine, được hoàn lại sau khi gửi mẫu đi giám định, và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong ký hiệu V bên trong gồm 06 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy lịch, 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng, 01 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh giấy báo, 01 vỏ phong bì ký hiệu T1; 01 phong bì niêm phong bên trong là 01 que xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy của Trần Xuân T; 01 vỏ phong bì ký hiệu T2, 01 vỏ phong bì ký hiệu Đ cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 sim điện thoại số thuê bao 0357998172; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0367549416 bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã sử dụng liên lạc để mua bán ma túy, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù

hợp với điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 35B2-259.xx, nhãn hiệu Honda AIRBLADE mà Cơ quan điều tra thu giữ của Trần Xuân T, quá điều tra xác minh đây là tài sản hợp pháp của anh Trần Xuân T. Do vậy Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T nên không đặt ra xem xét.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Masstel có số Imei 358246097513110 thu giữ của Trần Đình L, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn É. Anh É không biết L sử dụng chiếc điện thoại trên để liên lạc mua ma túy. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh É là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh có số seri 357338082877310, 01 sim Vinaphone có số thuê bao 0945420026, 01 sim Vinamobile có số thuê bao 0582747847, số tiền 1.450.000 đồng thu giữ của Trần Xuân T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T, không liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho bị cáo (bị cáo đã ủy quyền cho em trai là Trần Xuân T nhận lại) là đúng quy định pháp luật.

[10] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251 ; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1/ Tuyên bố:

Bị cáo Trần Xuân T phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 19 tháng 9 năm 2019.

2/ Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 phong bì niêm phong bên trong là 01 điện thoại di động Samsung số Imei 355039102533139/01.

- Tịch thu tiêu hủy

+ 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài ghi số 294/KLGD-PC09-MT, bên trong có 0,1605 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M1; 0,1667 gam chất bột dạng cục màu trắng trong mẫu ký hiệu M2 đều là ma túy Heroine, được hoàn lại sau khi gửi mẫu đi giám định, và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong;

+ 01 phong bì niêm phong ký hiệu V bên trong gồm 06 mảnh giấy bạc màu vàng, 01 mảnh giấy lịch, 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng, 01 mảnh nilon màu đen, 01 mảnh giấy báo, 01 vỏ phong bì ký hiệu T1;

+ 01 phong bì niêm phong bên trong là 01 que xét nghiệm nước tiểu tìm chất ma túy của Trần Xuân T;

+ 01 vỏ phong bì ký hiệu T2, 01 vỏ phong bì ký hiệu Đ;

+ 01 sim điện thoại số thuê bao 0357998172; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0367549416;

Những vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3/Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Xuân T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Vũ Ngọc Tú**